

P.TC.HC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Quy định Quy đổi giờ chuẩn các hoạt động khoa học công nghệ của giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải

*Kế rect, Seo quĩ*  
*- Ban GĐ*  
*- P.KHCN*  
*- Cai đĩ.*

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP, ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) v/v thành lập Trường Đại học Giao thông Vận tải;

8.8.17

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Điều lệ trường đại học”;

*lll*

Căn cứ Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 47/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Khoa học Công nghệ.

### QUYẾT ĐỊNH:

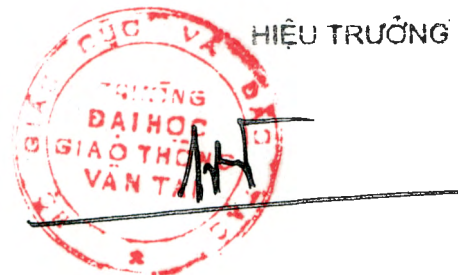
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định Quy đổi giờ chuẩn các hoạt động khoa học công nghệ của giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải.

**Điều 2.** Quy định này được áp dụng từ năm học 2017 – 2018 thay thế cho Quyết định số 1724/QĐ-KHCN ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông Vận tải về việc “Quy định Quy đổi giờ chuẩn các hoạt động khoa học công nghệ của giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải”. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng KHCN, TCKT, HCTH, ĐTDH, ĐTSDH, Giám đốc Trung tâm UD CNTT, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và giảng viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi gửi:**

- Như điều 3;
- HT, các PHT;
- Lưu HCTH, KHCN, TTUDCNTT.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long

**QUY ĐỊNH**  
**QUY ĐỊNH GIỜ CHUẨN CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**  
**CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
(Kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-ĐHGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường ĐH GTVT)

---

Cùng với công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong hai hoạt động quan trọng nhất của một trường đại học. NCKH có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao trình độ khoa học của giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời khẳng định vị trí và uy tín của Nhà trường trước xã hội. Việc đẩy mạnh NCKH cũng như gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của giảng viên trong hoạt động khoa học của Nhà trường là yêu cầu cấp thiết phải được đặt ra. Trên cơ sở Thông tư số 47/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, Trường Đại học Giao thông Vận tải quy định quy định giờ chuẩn các hoạt động khoa học công nghệ (KHCCN) của giảng viên như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Tất cả các giảng viên của Trường Đại học Giao thông Vận tải.

**II. ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Định mức giờ chuẩn NCKH của giảng viên Trường ĐH GTVT là: **145 giờ chuẩn**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Các hoạt động sau đây được coi là những hoạt động NCKH trong Trường:

1. Thực hiện các nhiệm vụ KHCCN các cấp:
  - Nhiệm vụ KHCCN cấp quốc gia.
  - Nhiệm vụ KHCCN cấp bộ và tương đương.
  - Đề tài NCKH cấp cơ sở và tương đương.
2. Biên soạn sách, giáo trình, tài bản có bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong hoạt động đào tạo của Trường:
  - Biên soạn sách chuyên khảo.
  - Biên soạn giáo trình đã được Trường thẩm định.
  - Tài bản có bổ sung giáo trình.
  - Biên soạn tài liệu tham khảo, bài tập, hướng dẫn thí nghiệm, biên dịch.
  - Biên soạn bài giảng.
3. Viết báo đăng các tạp chí khoa học.
4. Phản biện nhiệm vụ KHCCN các cấp, đọc duyệt giáo trình, sách biên dịch, phản biện bài báo, phản biện luận án tiến sĩ:
  - Phản biện nhiệm vụ KHCCN các cấp.
  - Phản biện bài báo đăng trên tạp chí Khoa học GTVT.
  - Phản biện luận án tiến sĩ.

- Đọc duyệt giáo trình, sách biên dịch.
- Đọc duyệt giáo trình tái bản có bổ sung.
- 5. Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.
- 6. Tư vấn về chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên.
- 7. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH và CGCN.
- 8. Tham gia hoặc hướng dẫn các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KHCN.
- 9. Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống.
- 10. Xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn học.
- 11. Báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học.
- 12. Báo cáo chuyên đề tại các seminar do bộ môn tổ chức.
- 13. Tham gia các hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH các cấp, hội đồng chấm luận án tiến sĩ.

#### IV. QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THÀNH GIỜ CHUẨN

##### 1. Thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp

<i>TT</i>	<i>Nhiệm vụ KHCN</i>	<i>Số giờ NCKH quy đổi</i>
1	Đề tài NCKH cấp Trường	
	Chủ nhiệm đề tài	150 giờ
	Chia cho các thành viên tham gia (theo mức độ đóng góp)	50 giờ
2	Đề tài, dự án KHCN cấp bộ và tương đương	
	Chủ nhiệm đề tài	300 giờ/năm
	Thư ký	130 giờ/năm
	Chia cho các thành viên tham gia (theo mức độ đóng góp)	80 giờ/năm
3	Đề tài, dự án KHCN cấp quốc gia và tương đương	
	Chủ nhiệm đề tài	400 giờ/năm
	Chủ nhiệm các nhánh	300 giờ/năm
	Thư ký	150 giờ/năm
	Tham gia đề tài nhánh (chia cho các thành viên theo mức độ đóng góp)	100 giờ/năm
4	Chương trình KHCN cấp bộ	
	Chủ nhiệm chương trình	400 giờ/năm
	Phó chủ nhiệm chương trình	350 giờ/năm
	Thư ký chương trình	150 giờ/năm
	Chủ nhiệm các đề tài thuộc chương trình	300 giờ/năm
	Thư ký các đề tài thuộc chương trình	140 giờ/năm
Tham gia đề tài nhánh (chia cho các thành viên theo mức độ đóng góp)	80 giờ/năm	
5	Chương trình KHCN cấp quốc gia	

	Chủ nhiệm chương trình	450 giờ/năm
	Phó chủ nhiệm chương trình	400 giờ/năm
	Thư ký chương trình	170 giờ/năm
	Chủ nhiệm các đề tài thuộc chương trình	400 giờ/năm
	Thư ký các đề tài thuộc chương trình	150 giờ/năm
	Tham gia đề tài nhánh (chia cho các thành viên theo mức độ đóng góp)	120 giờ/năm

**2. Biên soạn sách, giáo trình, tái bản có bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong hoạt động đào tạo của Trường**

- Biên soạn sách chuyên khảo: 280 giờ/quyển
- Biên soạn giáo trình đã được Trường thẩm định: 120 giờ/đvht; 180 giờ/tín chỉ
- Tái bản có bổ sung giáo trình: 50 giờ/đvht; 75 giờ/tín chỉ
- Biên soạn tài liệu tham khảo, bài tập, hướng dẫn thí nghiệm, biên dịch: 50 giờ/đvht; 75 giờ/1 tín chỉ
- Biên soạn bài giảng: 35 giờ/đvht; 50 giờ/1 tín chỉ

*Nếu công trình thực hiện tập thể thì chủ biên hưởng 1/5 số giờ, 4/5 số giờ còn lại chia cho tất cả các thành viên tham gia theo tỷ lệ đóng góp (phân công biên soạn). Trường hợp không xác định được tỷ lệ đóng góp thì chia đều.*

**3. Bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện**

TT	Tạp chí		Số giờ NCKH quy đổi
1	Tạp chí quốc tế	Thuộc danh mục ISI	250
2		Thuộc danh mục SCOPUS	230
3		Tạp chí quốc tế khác	200
4	Tạp chí trong nước thuộc danh mục được HĐ CDGSNN tính điểm	Từ 0-1,0	180
5		Từ 0-0,75	170
6		Từ 0-0,50	160
7		Từ 0-0,25	150
8	Tạp chí trong nước khác		145

*Trường hợp xác định được tác giả chính thì chia điểm như đối với biên soạn giáo trình. Trường hợp không xác định được tác giả chính thì chia đều cho các đồng tác giả.*

**4. Phản biện nhiệm vụ KHCN các cấp, đọc duyệt giáo trình, sách biên dịch, phản biện bài báo, phản biện luận án tiến sĩ**

- Phản biện nhiệm vụ các cấp (kể cả các nhiệm vụ không do Trường quản lý):
  - + Nhiệm vụ cấp quốc gia: 30 giờ/1 lần
  - + Nhiệm vụ cấp bộ: 20 giờ/1 lần
  - + Nhiệm vụ cấp cơ sở: 10 giờ/1 lần
- Phản biện luận án tiến sĩ các cấp: 25 giờ/1 lần.
- Phản biện bài báo đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục tính điểm của Hội đồng

CDGSNN (kể cả bài không được đăng): 15 giờ/bài.

- Phản biện bài báo khoa học quốc tế: 25 giờ/bài.
- Đọc duyệt giáo trình, sách biên dịch: 30 giờ/giáo trình, sách.
- Đọc duyệt giáo trình tái bản có bổ sung: 10 giờ/giáo trình

### 5. Hướng dẫn sinh viên NCKH

- Công trình đạt giải cấp Bộ:

- + Công trình đạt giải nhất cấp Bộ: 100 giờ/công trình
- + Công trình đạt giải nhì cấp Bộ: 85 giờ/công trình
- + Công trình đạt giải ba cấp Bộ: 70 giờ/công trình
- + Công trình đạt giải khuyến khích cấp Bộ: 50 giờ/công trình

- Cấp Trường: giải nhất: 40, giải nhì: 35, giải ba: 30, giải khuyến khích: 25, không đạt giải: 20 giờ/công trình

*Trong trường hợp 1 công trình đạt nhiều giải thì lấy giải có số giờ quy đổi cao nhất.*

**6. Tư vấn về CGCN; Tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên (chia cho các thành viên tham gia theo mức độ đóng góp)**

TT	Kinh phí đóng góp xây dựng Trường	Số giờ NCKH quy đổi
1	Từ 05 đến $\leq 50$ triệu đồng	70
2	Từ trên 50 đến $\leq 100$ triệu đồng	150
3	Từ trên 100 đến $\leq 300$ triệu đồng	250
4	Từ trên 300 đến $\leq 500$ triệu đồng	350
5	Từ trên 500 đến $\leq 800$ triệu đồng	450
6	Lớn hơn 800 triệu đồng	500

**7. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH và CGCN: 50 giờ.**

**8. Tham gia hướng dẫn các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KHCN (giờ/công trình):**

	Cấp Trường	Cấp bộ	Cấp quốc gia	Quốc tế
Không có giải	20	35	70	100
Giải khuyến khích	25	50	120	140
Giải ba	30	70	130	160
Giải nhì	35	85	140	180
Giải nhất	40	100	150	200

**9. Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống: 30 giờ.**

Mỗi người một năm được công nhận nhiều nhất 60 giờ NCKH cho mục này.

**10. Xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT), đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn học: 30 giờ.**

Mỗi người một năm được công nhận nhiều nhất 60 giờ NCKH cho mục này.

## 11. Báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học

TT	Loại hội thảo	Số giờ NCKH quy đổi
1	Hội thảo quốc tế ở ngoài nước có phản biện	190
2	Hội thảo quốc tế ở ngoài nước không có phản biện	130
3	Hội thảo quốc tế trong nước có phản biện	175
4	Hội thảo quốc tế trong nước không có phản biện	120
5	Hội thảo quốc gia có phản biện	160
6	Hội thảo quốc gia không có phản biện	110
7	Hội thảo ngành/chuyên ngành có phản biện	145
8	Hội thảo ngành/chuyên ngành không có phản biện	100

*Trường hợp xác định được tác giả chính thì chia điểm như đối với biên soạn giáo trình. Trường hợp không xác định được tác giả chính thì chia đều cho các đồng tác giả.*

Hội thảo khoa học được thực hiện bởi các bộ môn, khoa và Trường ĐH GTVT phải có Kỷ yếu. Kỷ yếu phải được đăng lên trang web của Trường. 01 bản Kỷ yếu phải được lưu tại Phòng KHCN (01 bản cứng và 01 bản mềm dạng pdf). Các hội thảo này được tính điểm như hội thảo ngành/chuyên ngành.

## 12. Báo cáo chuyên đề tại các seminar do bộ môn tổ chức: 35 giờ

Các seminar do bộ môn tổ chức phải được thông báo trên lịch tuần và lịch báo cáo chuyên đề hàng tuần trên trang web của Trường.

Mỗi người một năm được công nhận nhiều nhất 70 giờ NCKH cho mục này.

**13. Tham gia các hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN các cấp, hội đồng chấm luận án tiến sĩ (kể cả các nhiệm vụ không do Trường quản lý, hội đồng chấm luận án tiến sĩ ngoài Trường):**

- Nhiệm vụ cấp quốc gia: 15 giờ/1 lần
- Nhiệm vụ cấp bộ: 10 giờ/1 lần
- Nhiệm vụ cấp cơ sở: 5 giờ/1 lần
- Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp trường: 10 giờ/1 lần
- Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp bộ môn: 5 giờ/1 lần

Người của Phòng KHCN tham gia hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN các cấp với tư cách thư ký hội đồng không được tính giờ NCKH.

## V. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA GIÁNG VIÊN

1. Mọi giảng viên phải thực hiện nhiệm vụ KHCN theo danh mục 13 hoạt động như trong mục III.
2. Giảng viên có học vị tiến sĩ trở lên phải tập trung thực hiện các nhiệm vụ KHCN sau:
  - Nhiệm vụ KHCN các cấp;
  - Bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học có phản biện;
  - Báo cáo tại các hội thảo khoa học;

- Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo.
- 3. Hàng năm xem xét khen thưởng các giảng viên tham gia nhiều hoạt động KHCN và có số giờ NCKH quy đổi cao.

## VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Trong từng năm học, giảng viên có trách nhiệm kê khai các hoạt động KHCN đã thực hiện và đăng tải minh chứng lên văn phòng điện tử theo thông báo của Phòng KHCN. Việc kê khai và đăng tải minh chứng lên văn phòng điện tử có thể thực hiện ngay sau khi hoạt động KHCN được hoàn thành. Cuối năm học, trong khoảng thời gian quy định, các bộ môn tập hợp bản kê khai khối lượng hoạt động KHCN của các cá nhân có xác nhận của bộ môn, khoa và nộp về Phòng KHCN (để quản lý). Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm trước Nhà trường về tính xác thực của bảng kê khai và minh chứng của giảng viên mà bộ môn quản lý.

2. Phòng KHCN thẩm định và xác định kết quả giờ quy đổi NCKH của các giảng viên và trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

3. Giảng viên không đảm bảo số giờ định mức về NCKH sẽ phải bù khối lượng còn thiếu thông qua việc khấu trừ vào số giờ giảng dạy vượt chuẩn. Giờ quy đổi NCKH của nhiệm vụ KHCN từ ngày 01 tháng 6 đến đầu năm học mới sẽ được tính vào giờ của năm học tiếp theo.

Trên đây là một số quy định về nghĩa vụ NCKH của giảng viên. Trong quá trình thực hiện quy định này nếu có gì vướng mắc sẽ được bổ sung, sửa đổi.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long